

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 286/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ,
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong công tác quản lý nhập cảnh,
xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14, Luật số 23/2023/QH15, Luật số 103/2025/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm thực hiện của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất, không chồng chéo, theo nguyên tắc Bộ Công an chủ trì quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy có trách nhiệm phối hợp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện thống nhất ở địa phương theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Công an.

4. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan liên quan.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc trên môi trường điện tử theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Thông qua các cuộc họp liên ngành định kỳ, đột xuất.

3. Thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thông qua việc thanh tra, kiểm tra của các đoàn công tác liên ngành do Bộ Công an chủ trì.

5. Thông qua quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành theo quy định của Chính phủ.

6. Các hình thức khác.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trao đổi với Bộ Công an trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 6. Phối hợp trong tổ chức thực hiện pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Trao đổi, thông báo cho Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, các bộ liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các chủ trương, biện pháp thực hiện công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phối hợp với cơ quan chức năng của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng theo chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

b) Trường hợp cần thiết, ban hành quy chế hoặc hình thức văn bản phù hợp khác có nội dung về quản lý người nước ngoài nhập cảnh, làm việc với các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ở trong và ngoài nước.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Ban hành quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc cấp tỉnh trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động tại địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phổ biến, giáo dục pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tại địa phương.

Điều 7. Phối hợp trong việc cấp giấy tờ cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú

1. Bộ Công an chỉ đạo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trao đổi, cung cấp cho đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng dữ liệu người nước ngoài được giải quyết cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế do Bộ Quốc phòng quản lý trước khi người nước ngoài đến cửa khẩu.

2. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan chức năng:

a) Cập nhật dữ liệu về người nước ngoài được cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú tại cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh ngay sau khi cấp; trường hợp chưa bảo đảm

điều kiện về cơ sở hạ tầng để cập nhật dữ liệu thì chuyển danh sách cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp;

b) Phối hợp xác minh thông tin người nước ngoài theo đề nghị của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phục vụ công tác xử lý vi phạm và cấp giấy tờ có giá trị cư trú để yêu cầu xuất cảnh, buộc xuất cảnh hoặc trục xuất.

3. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài; Bộ Quốc phòng chỉ đạo đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng trong quá trình giải quyết cấp thị thực, nếu phát hiện có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng hoặc có dấu hiệu giả mạo giấy tờ thì chưa cấp thị thực và kịp thời trao đổi, thống nhất với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh về việc cấp thị thực.

4. Bộ Công an chỉ đạo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài và đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh để từ chối cấp thị thực hoặc thu hồi, hủy bỏ thị thực đã cấp kể từ khi phát hiện các trường hợp giả mạo giấy tờ để được duyệt cấp thị thực hoặc sau khi duyệt mới phát hiện có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng chia sẻ, liên thông dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ liên quan đến người nước ngoài phục vụ cấp giấy tờ nhập cảnh, xuất cảnh hoặc có giá trị cư trú cho người nước ngoài của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 8. Phối hợp trong công tác kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài

1. Bộ Công an có trách nhiệm trao đổi, cung cấp cho Bộ Quốc phòng:

a) Thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu;

b) Tình hình, dữ liệu người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu do Bộ Công an quản lý; dữ liệu người nước ngoài thuộc diện chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh;

c) Tình hình, số liệu các vụ việc người nước ngoài vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp người nước ngoài có dấu hiệu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội tại các cửa khẩu do Bộ Công an quản lý;

d) Mẫu dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh, chứng nhận tạm trú cấp cho kiểm soát viên tại các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an;

đ) Danh sách và dữ liệu hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam bị mất, bị hủy giá trị sử dụng.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trao đổi, cung cấp cho Bộ Công an:

a) Tình hình, dữ liệu người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và người nước ngoài được cấp thị thực tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý;

b) Tình hình, số liệu các vụ việc người nước ngoài vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp người nước ngoài có dấu hiệu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý;

c) Mẫu dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh, chứng nhận tạm trú cấp cho kiểm soát viên tại các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tổ chức tập huấn cho kiểm soát viên tại các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng khi có văn bản pháp luật, hướng dẫn mới liên quan đến công tác quản lý, kiểm soát xuất nhập cảnh.

4. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan chức năng khi quyết định chưa cho nhập cảnh, giải tỏa chưa cho nhập cảnh, buộc xuất cảnh người nước ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 22 và điểm b khoản 2 Điều 30 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo ngay sau khi ban hành quyết định cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp thực hiện.

5. Việc trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình, số liệu, dữ liệu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời, theo thời gian thực, bảo đảm yêu cầu công tác kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài.

Điều 9. Phối hợp trong công tác quản lý cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trong việc trao đổi thông tin cấp thị thực, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép lao động, giấy phép hành nghề, chương trình đào tạo, hợp tác của người nước ngoài, chương trình hội nghị, hội thảo của người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực điện tử hoặc theo diện miễn thị thực; chỉ đạo cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài phối hợp với cơ sở lưu trú thực hiện việc khai báo tạm trú của người nước ngoài theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề phát sinh; trong thời hạn 12 giờ kể từ khi phát hiện người nước ngoài bị tai nạn, tử vong phải trao đổi với cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện nước mà người đó là công dân.

2. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan chức năng:

a) Chuyển thông tin khai báo tạm trú người nước ngoài thuộc diện đăng ký tại Bộ Ngoại giao cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trong thời hạn 12 giờ kể từ khi người nước ngoài đăng ký tạm trú;

b) Hướng dẫn người nước ngoài thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ cung cấp thông tin cho cơ sở lưu trú khi tạm trú ngoài địa điểm đã đăng ký tại Bộ Ngoại giao để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố thực hiện việc quản lý cư trú của người nước ngoài ở địa phương.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh quản lý các trường hợp người nước ngoài thuộc diện tạm hoãn xuất cảnh nhưng không có cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh làm thủ tục cấp giấy tờ có giá trị cư trú theo quy định.

5. Bộ Công an trao đổi, cung cấp cho Bộ Quốc phòng dữ liệu khai báo tạm trú của người nước ngoài tại cơ sở lưu trú trong khu vực biên giới hoặc xã, phường, đặc khu, khu du lịch, dịch vụ, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu kinh tế khác có liên quan đến khu vực biên giới theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

6. Bộ Quốc phòng trao đổi, cung cấp cho Bộ Công an dữ liệu khai báo tạm trú của người nước ngoài do đồn, trạm biên phòng tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp chưa bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng để cập nhật dữ liệu thì trao đổi, cung cấp danh sách người nước ngoài ngay sau khi tiếp nhận.

Điều 10. Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Cơ quan có thẩm quyền thuộc Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, thành phố và các cơ quan thanh tra khác theo quy định của pháp luật về thanh tra phối hợp với Thanh tra Bộ Công an tiến hành thanh tra việc thực hiện và chấp hành các quy định pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài của các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động nước ngoài và các quy định pháp luật

khác trên lĩnh vực quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ đối với người nước ngoài và cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài hoặc cơ quan, tổ chức có người nước ngoài lao động, làm việc.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất kế hoạch kiểm tra các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 11. Phối hợp xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Đối với các vụ việc vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài do đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng phát hiện thì xử lý theo thẩm quyền, nếu có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an thì trao đổi với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp xử lý.

2. Trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam nhưng thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam. Cơ quan chức năng Bộ Ngoại giao trao đổi thông tin vụ việc và người nước ngoài vi phạm cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp quản lý.

3. Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan chức năng kịp thời thông báo cho các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý xuất nhập cảnh về phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để chủ động phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng:

a) Phối hợp, trao đổi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tình hình, kết quả thẩm định, xác minh hồ sơ cấp các loại giấy phép hoặc tình hình hoạt động thực tế của tổ chức, doanh nghiệp, người nước ngoài phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trong quá trình xử lý người nước ngoài nhập cảnh theo diện miễn thị thực hoặc bằng thị thực điện tử và làm việc, dự hội nghị, hội thảo với các cơ quan, tổ chức trực thuộc nhưng có hoạt động vi phạm pháp luật.

Điều 12. Phối hợp trong việc ban hành và sử dụng các mẫu giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng trước khi ban hành mẫu giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, mẫu dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh, chứng nhận tạm trú;

b) In và cung cấp cho Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng các loại ấn phẩm trắng phục vụ việc cấp giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam;

c) Cung cấp cho Bộ Ngoại giao mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do Bộ Công an cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại Việt Nam ngay sau khi ban hành để thông báo với các nước;

d) Quyết định việc chấp thuận hay không chấp thuận giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại nước đó và trao đổi ngay với Bộ Ngoại giao để trả lời các nước về quyết định trên.

2. Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Sử dụng ấn phẩm trắng do Bộ Công an cung cấp để cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam; hàng năm dự trù số lượng ấn phẩm trắng đề nghị Bộ Công an cung cấp và thanh toán chi phí in ấn theo quy định;

b) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài sử dụng mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Công an ban hành;

c) Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của Việt Nam cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại Việt Nam ngay sau khi nhận được từ Bộ Công an;

d) Tiếp nhận mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại nước đó và đề nghị Bộ Công an cho ý kiến để trả lời phía nước ngoài về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho người được cấp giấy tờ trên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Điều 13. Phối hợp trong việc thống kê nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Bộ Công an chỉ đạo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thực hiện thống kê nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và gửi số liệu thống kê cho Cục Thống kê (Bộ Tài chính) theo quy định.

2. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan chức năng tổng hợp, thống kê số liệu cấp thị thực nhập cảnh, giấy tờ có giá trị cư trú, vụ việc vi phạm của người nước ngoài thuộc diện Bộ Ngoại giao quản lý và trao đổi tình hình, số liệu với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh định kỳ hằng quý hoặc theo đề nghị.

3. Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan chức năng tổng hợp, thống kê số liệu người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cấp thị thực, bị trục xuất, buộc xuất cảnh hoặc không đủ điều kiện nhập cảnh, các vụ việc vi phạm của người nước ngoài tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý và trao đổi tình hình, số liệu với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh định kỳ hằng quý hoặc theo đề nghị.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng tổng hợp, thống kê số liệu người nước ngoài làm việc với các tổ chức, đơn vị trực thuộc và trao đổi tình hình, số liệu với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh định kỳ hằng quý hoặc theo đề nghị.

Điều 14. Cơ quan đầu mối phối hợp thực hiện công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam giữa các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định cơ quan đầu mối phối hợp thực hiện công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Cơ quan đầu mối theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tham mưu, đề xuất Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ và bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này;

b) Căn cứ tình hình thực tiễn, tham mưu, đề xuất Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ký quy chế phối hợp về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam với Bộ Công an hoặc giữa cơ quan đầu mối với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 và thay thế Nghị định số 64/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b).

14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc